

BÀI: SPEAKING – LESSON 2

UNIT 5: AROUND TOWN

MÔN: TIẾNG ANH – ILEARN SMART WORLD - LỚP 6



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Trả lời câu hỏi phần Speaking trang 43 SGK Tiếng Anh 6 iLearn Smart World

What Would You Like to Order?*(Bạn muốn gọi món gì?)***Use words / sounds to get time to think.***(Sử dụng các từ và âm để có thời gian suy nghĩ.)***a. You're at a restaurant. Work in pair. Student A, you're a customer. Order some food.****Student B, you're a waiter. Take the customer's order.***(Em đang ở nhà hàng. Làm việc theo cặp. Học sinh A, em là khách hàng. Gọi một ít thức ăn. Học sinh B, em là người phục vụ. Ghi lại các món mà khách hàng gọi.)*

		FOOD		DRINKS	
		Chicken curry	\$5.00	Water	\$1.00
		Cheese sandwich	\$4.00	Orange juice	\$3.00
		Spaghetti	\$8.00	Coffee	\$2.00
		Hamburger	\$7.00	DESSERTS	
		Fries	\$3.00	Ice cream	\$3.00
				Brownie	\$4.00
				Apple pie	\$5.00

Phương pháp:

- spaghetti (n): mì ống Ý
- water (n): nước
- brownie (n): bánh hạnh nhân
- apple pie (n): bánh nhân táo

Cách giải:**B:** What would you like to eat?*(Ngài muốn muốn ăn gì?)***A:** I'd some spaghetti and fries.

(Tôi muốn một ít mì ống Ý và khoai tây chiên.)

B: What would you like to drink?

(Ngài muốn uống gì?)

A: I'd like some coffee.

(Tôi muốn một ít cà phê.)

B: OK. Anything else?

(Vâng. Còn gì nữa không thưa ngài?)

A: I also would like some dessert.

(Tôi cũng muốn một ít món tráng miệng.)

B: What would you like for dessert?

(Ngài muốn món tráng miệng nào?)

A: I'd like an apple pie. Thanks.

(Tôi muốn một cái bánh nhân táo. Cảm ơn.)

B: OK. Just a minute, please.

(Vâng. Ngài vui lòng đợi một chút.)

b. Swap roles. Use the menu from Reading.

(Đổi vai. Sử dụng thực đơn từ bài Reading.)

Phương pháp:

FOOD		
☐	Vegetable curry	\$12.00
☐	Chicken pasta	\$13.00
☐	Hamburger	\$7.50
☐	Cheese sandwich	\$6.00
☐	Fries	\$5.50
DRINKS		
☐	Orange juice	\$3.00
☐	Cola	\$5.00
☐	Coffee	\$3.00
DESSERTS		
☐	Ice cream	\$9.00
☐	Cheesecake	\$10.00
☐	Cupcake	\$8.00

Cách giải:

A: Would you like to see the menu?

(Ngài có muốn xem thực đơn không?)

B: Yes, please.

(Vâng, làm ơn.)

A: What would you like to order?

(Ngài muốn gọi món gì?)

B: I'd like some chicken pasta.

(Tôi muốn một ít mì ống thịt gà.)

A: What would you like to drink?

(Ngài muốn uống gì?)

B: I'd like some orange juice, please.

(Làm ơn cho tôi một ít nước cam.)

A: Would you like some dessert?

(Ngài có muốn ăn tráng miệng không?)

B: Yes. I'd like some ice cream.

(Vâng. Tôi muốn một ít kem.)

Loigiaihay.com